TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đào Đình Phúc**;

2. Bà **Phạm Thị Bông**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tiến Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên toà*: Ông **Khương Viết Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (trước khi sáp nhập) về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh ngày 01/6/1986; đăng ký HKTT: Thôn B, xã KTD, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Số CCCD : 027186001154.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/01/1983 ; đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã KTD, thành phố Hải Phòng. Số CCCD: 030083010572.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng) vào ngày 21/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại gia đình anh T tại thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn B, xã KTD, thành phố Hải Phòng).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say về đánh chửi chị thậm tệ. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Tình trạng đó kéo dài khiến mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên đầu năm 2025 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống tại thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh) và ly thân anh T từ đó đến nay. Thời gian ly thân chị và anh T không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 18/02/2019, hiện đang sống cùng với anh T. Ly hôn, nguyện vọng của chị muốn để anh T nuôi con và chị sẽ cấp dưỡng cho con nếu anh T yêu cầu.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn, chung sống, thời gian ly thân như Chị L trình bày. Tuy nhiên anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Đầu năm 2025, Chị L đã bỏ nhà đi, không quan tâm gì đến gia đình và con. Nay Chị L xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với Chị L. Ngoài ra, anh xác định Chị L làm đơn xin ly hôn anh thì tự chị giải quyết chứ anh sẽ không đến Tòa án làm việc.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 18/02/2019, hiện đang sống cùng với anh. Ly hôn, nguyện vọng của anh muốn xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu Chị L phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: Chị Phạm Thị L, anh Nguyễn Văn T vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T và đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 18/02/2019 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T; Xử giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 18/02/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu Chị L phải cấp dưỡng cho con; Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn hiện cư trú tại thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn B, xã KTD, thành phố Hải Phòng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng) là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã KTD, thành phố Hải Phòng) nơi sinh sống của anh T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa Chị L và anh T là hợp pháp.

Do vợ chồng mâu thuẫn nên Chị L bỏ về thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chồng ly thân, không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Nay Chị L khởi kiện xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm không còn nên nhất trí ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho Chị L ly hôn anh T.

- *Về quan hệ con chung*: Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 18/02/2019, hiện đang sinh sống, học tập ổn định cùng anh T nên Chị L đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi con cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Căn cứ vào quy định của pháp luật, căn cứ vào điều kiện của các bên và thực tế cuộc sống của con, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là Nguyễn Văn Trường A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu Chị L phải cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức*: Do các đương sự đều không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 18/02/2019 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Phạm Thị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị Phạm Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị L phải chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – Hải Phòng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/24 số 0001620 ngày 02 tháng 6 năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13 – Hải Phòng
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Quý Long